

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2018

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn

2. Bà Phan Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên .

Ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp O, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp O, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 05/3/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trương Ngọc T trình bày: ông và bà L cưới nhau vào tháng 8/1979, do tìm hiểu tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cách nay khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tuổi tác đã cao, kinh tế gia đình cũng ổn định nên ông thường xuyên tham gia phong trào đờn ca tài tử tại địa phương để giải trí nhưng bà L không đồng ý nên vợ chồng cãi vã. Những lúc vợ chồng cãi nhau thì bà L cư xử không đúng mực, thường xuyên có những hành động và lời lẽ xúc phạm danh dự và nhân phẩm của ông gây ảnh hưởng nặng nề đến tinh thần của ông, ông không chịu đựng nổi nên đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 04 con chung gồm Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1981, Trương Thị Tuyết X, sinh năm 1984, Trương Ngọc H, sinh năm 1986 và Trương Ngọc Lành, sinh năm 1989. Hiện tại tất cả đều đã thành niên.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 17/5/2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: về thời gian cưới, đăng ký kết hôn đúng như ông T nêu. Bà thừa nhận trong cuộc sống giữa bà và ông T cũng có những lúc cãi vã và xô xát nhưng đó là chuyện bình thường của cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do ông T có quen với người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn chứ bà hoàn toàn không có xúc phạm và áp bức tinh thần ông T. Ông T đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà khẳng định bà hoàn toàn không có lỗi nên không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 04 con chung gồm Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1981, Trương Thị Tuyết X, sinh năm 1984, Trương Ngọc H, sinh năm 1986 và Trương Ngọc Lành, sinh năm 1989. Hiện tại tất cả đều đã thành niên.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: ông T và bà L tiến hành tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn, căn cứ điểm a, khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở, cần áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Xét thấy, cách nay khoảng 10 năm, giữa ông T, bà L đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng đến đầu năm 2018 mâu thuẫn trở nên gay gắt do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cãi vã và xô xát, ông T bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà L đã quá trầm trọng nên cần áp dụng các Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về nuôi con chung: trong quá trình chung sống, ông T và bà L có 04 con chung gồm Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1981, Trương Thị Tuyết X, sinh năm 1984, Trương Ngọc H, sinh năm 1986 và Trương Ngọc Lành, sinh năm 1989. Hiện tại, tất cả đều đã thành niên và có gia đình nên không xem xét việc nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trương Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị L là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung:

Ông Trương Ngọc T và bà Phạm Thị L cưới nhau vào năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư L tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ và tin tưởng lẫn nhau. Ông T có niềm đam mê đờn ca, muốn giải trí để an hưởng tuổi già nhưng không nhận được sự thông cảm và chia sẻ từ phía bà L mà trái lại bà L lại không tin tưởng vào sự chung thủy của ông T. Tại phiên tòa, cả bà L và ông T đều thừa nhận vợ chồng có cãi nhau và xô xát. Ông T cương quyết xin ly hôn, bà L không đồng ý nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà L đã trầm trọng, vợ chồng đã không còn sự yêu thương, tôn trọng và chia sẻ cùng nhau, hôn nhân có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc nên áp dụng Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 04 con chung gồm Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1981, Trương Thị Tuyết X, sinh năm 1984, Trương Ngọc H, sinh năm 1986 và Trương Ngọc Lành, sinh năm 1989. Hiện tại, tất cả đều đã thành niên nên không xem xét việc nuôi dưỡng các con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: ông T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và trình bày nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Ông Trương Ngọc T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc T về việc “tranh chấp ly hôn” đối với bà Phạm Thị L.

Về hôn nhân: ông Trương Ngọc T được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về án phí: Ông Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000843 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc